BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 19 /2016/TT-BGTVT	*Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2016*

THÔNG TƯ
Quy định về khảo sát luồng phục vụ quản lý và thông báo luồng đường thủy nội địa

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 24/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về khảo sát luồng phục vụ quản lý và thông báo luồng đường thủy nội địa.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về công tác khảo sát luồng phục vụ quản lý và thông báo luồng đường thủy nội địa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến khảo sát luồng phục vụ quản lý, thông báo luồng đường thủy nội địa và hoạt động giao thông vận tải đường thủy nội địa.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Đơn vị bảo trì đường thủy nội địa là các đơn vị trực tiếp thực hiện bảo trì đường thủy nội địa.

2. Tuyến đường thủy nội địa là một hoặc nhiều luồng chạy tàu thuyền trên sông, kênh, rạch, hồ, đầm, phá, vụng, vịnh, ven bờ biển, ra đảo, nối các đảo; chiều dài tuyến đường thủy nội địa được xác định từ điểm đầu đến điểm cuối.

3. Luồng chạy tàu thuyền (sau đây gọi là luồng) là vùng nước được giới hạn bằng hệ thống báo hiệu đường thuỷ nội địa để phương tiện đi lại thông suốt, an toàn.

4. Chiều rộng luồng là chiều rộng nhỏ nhất của đáy luồng thực đo tại một vị trí trên đường thủy nội địa.

5. Độ sâu luồng là khoảng cách thẳng đứng từ mặt nước đến đáy luồng tại một vị trí trên đường thủy nội địa ở 01 (một) thời điểm cụ thể.

6. Mực nước là chỉ số mực nước đo được ở một thời gian cụ thể, tại 01 (một) trạm thủy văn nhất định trên đường thủy nội địa.

7. Mực nước lớn nhất và mực nước nhỏ nhất là mực nước lớn nhất, nhỏ nhất quan trắc được trong 01 (một) chu kỳ tại 01 (một) trạm thủy văn trên đường thủy nội địa.

8. Độ sâu luồng lớn nhất và nhỏ nhất là độ sâu thực đo tại vị trí sâu nhất và nông nhất trên đường thủy nội địa tương ứng với mực nước lớn nhất và nhỏ nhất.

9. Chiều cao tĩnh không thực tế là khoảng cách thẳng đứng từ điểm thấp nhất của công trình vượt qua đường thủy nội địa trên không đến mặt nước trong khoảng chiều rộng khoang thông thuyền đo được tại thời điểm cụ thể.

10. Thông báo luồng là việc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền công bố các thông tin, số liệu đặc trưng kỹ thuật của luồng như cao độ mực nước (H), chiều sâu luồng (h), cao độ đáy luồng (Z), chiều rộng luồng (B), chiều cao tĩnh không thực tế và những vấn đề khác có liên quan đến an toàn giao thông của luồng.

Chương II
KHẢO SÁT LUỒNG PHỤC VỤ QUẢN LÝ VÀ THÔNG BÁO LUỒNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 4. Phân loại khảo sát luồng phục vụ quản lý luồng, tuyến đường thủy nội địa

1. Khảo sát lần đầu là công tác điều tra, khảo sát cơ bản lần đầu luồng, tuyến đường thủy nội địa chưa được công bố quản lý, khai thác để thiết lập bình đồ đường thủy nội địa phục vụ cho công tác công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa theo quy định. Trường hợp tuyến đường thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng hoàn thành thì sử dụng số liệu của dự án.

2. Khảo sát định kỳ là công tác khảo sát để cập nhật diễn biến luồng, tuyến đường thủy nội địa, đánh giá mức độ bồi lấp và những thay đổi về mặt hình thái luồng, tuyến đường thủy nội địa phục vụ cho việc điều chỉnh các báo hiệu phù hợp với diễn biến thực tế của luồng, tuyến đường thủy nội địa và thông báo luồng đường thủy nội địa. Khảo sát định kỳ được ưu tiên thực hiện ở các tuyến vận tải chính, lưu lượng vận tải lớn, các tuyến đường thủy nội địa có tàu biển và phương tiện thủy nước ngoài hoạt động.

3. Khảo sát đột xuất là công tác khảo sát để xác định tình huống xuất hiện đột xuất trên luồng đường thủy nội địa.

4. Khảo sát thường xuyên là công tác đo dò sơ khảo bãi cạn thực hiện theo Tiêu chuẩn quản lý, bảo trì đường thủy nội địa đối với các tuyến đường thủy nội địa chưa được khảo sát lần đầu, định kỳ hoặc những tuyến đã có số liệu nhưng thường xuyên có diễn biến thay đổi để phục vụ công bố thông báo thường xuyên luồng đường thủy nội địa.

Điều 5. Nội dung và yêu cầu của công tác khảo sát luồng phục vụ quản lý luồng đường thủy nội địa

1. Nội dung và yêu cầu công tác khảo sát luồng đường thủy nội thực hiện theo quy định trong các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy phạm đo vẽ và các quy định về khảo sát xây dựng công trình, trong đó:

a) Phạm vi khảo sát luồng được giới hạn bởi luồng chạy tàu và hành lang bảo vệ đường thủy nội địa theo quy định hiện hành;

b) Hệ quy chiếu và hệ tọa độ trong đo vẽ bình đồ đường thủy nội địa sử dụng Hệ quy chiếu và Hệ tọa độ quốc gia VN-2000 theo Quyết định số 83/2000/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về sử dụng hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia Việt Nam;

c) Hệ cao độ để khảo sát, lập bình đồ đường thủy nội địa sử dụng hệ cao độ quốc gia (hệ Hòn Dấu) và được đo dẫn từ các mốc quốc gia đến công trình.

2. Nội dung và yêu cầu của bình đồ khảo sát lần đầu

a) Thể hiện đầy đủ cao độ đáy luồng đường thủy nội địa, tim luồng, lý trình, tọa độ tim luồng theo từng lý trình, hệ thống báo hiệu trên tuyến;

b) Thể hiện đầy đủ các thông tin về địa hình, địa vật, địa giới hành chính, địa danh, lý trình, bãi cạn, vật chướng ngại, công trình trên sông và ven bờ như cầu qua sông, bến khách ngang sông, đường điện vượt sông, kè chỉnh trị sông, bảo vệ bờ, trạm bơm, cống lấy nước, đê điều, khu dân cư và các công trình khác trên tuyến.

3. Nội dung và yêu cầu của bình đồ khảo sát định kỳ: Căn cứ bình đồ khảo sát lần đầu và kết quả khảo sát định kỳ thực hiện cập nhật tọa độ, cao độ, hệ thống báo hiệu, các bãi cạn trên tuyến và các thông tin liên quan đến luồng (nếu có).

4. Công tác thành lập thủy đồ điện tử ưu tiên thực hiện đối với các tuyến vận tải chính, lưu lượng vận tải lớn; các tuyến có tàu biển, phương tiện thủy nước ngoài hoạt động và được cập nhật sau các lần khảo sát định kỳ.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định khảo sát phục vụ quản lý luồng đường thủy nội địa

1. Định kỳ 03 (ba) năm một lần, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định danh mục khảo sát phục vụ quản lý và thông báo luồng đường thủy nội địa quốc gia trên cơ sở đề nghị của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

2. Định kỳ 05 (năm) năm một lần, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định danh mục khảo sát phục vụ quản lý và thông báo luồng đường thủy nội địa địa phương trên cơ sở đề nghị của Sở Giao thông vận tải.

3. Tổ chức, cá nhân có đường thủy nội địa chuyên dùng quyết định tần suất công tác khảo sát phục vụ quản lý và thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng của mình nhưng tối đa không quá 05 (năm) năm một lần.

Điều 7. Quy định về hồ sơ khảo sát luồng đường thủy nội địa

Hồ sơ khảo sát phục vụ quản lý và thông báo luồng đường thủy nội địa gồm:

1. Nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng.

2. Các tài liệu thu thập, số liệu đo đạc tại hiện trường; báo cáo kết quả khảo sát, kết quả tính toán nội nghiệp, bình sai; hồ sơ, lý lịch mốc, bao gồm cả các điểm tọa độ và độ cao gốc và bảng sơ họa mốc; tài liệu về mực nước, lưu lượng, vận tốc; nhật ký đo, vẽ; các biên bản hiện trường; sổ đo vẽ chi tiết trên cạn, dưới nước; băng đo sâu và tệp tin gốc của máy đo sâu hồi âm, sổ đo định vị hoặc tệp tin số liệu định vị, các tệp tin dữ liệu cơ sở khác và đủ điều kiện để thiết lập thủy đồ điện tử.

3. Các bản vẽ gồm bản đồ tổng thể toàn tuyến; bình đồ chi tiết theo tỷ lệ đã được phê duyệt tại khoản 1 Điều này. Trên bản đồ tổng thể thể hiện đồng thời 2 hệ tọa độ - Hệ tọa độ vuông góc VN-2000 và lưới kinh vĩ độ WGS-84.

Điều 8. Quản lý, sử dụng số liệu khảo sát

1. Số liệu khảo sát phục vụ công tác quản lý và thông báo luồng đường thủy nội địa được nghiệm thu, giao nộp cho cơ quan có thẩm quyền thông báo luồng đường thủy nội địa hoặc chủ đầu tư bao gồm bình đồ tổng thể, bình đồ chi tiết và các tài liệu quy định tại Điều 7 của Thông tư này.

2. Các bình đồ địa hình cùng tỷ lệ, hệ quy chiếu, hệ tọa độ và cao độ khảo sát định kỳ qua các năm phục vụ cho việc nghiên cứu diễn biến, quản lý đường thủy nội địa.

Chương III

THÔNG BÁO LUỒNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 9. Nguyên tắc công bố thông báo luồng đường thủy nội địa

1. Thông báo luồng đường thủy nội địa được cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 12 của Thông tư này công bố kịp thời tới các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

2. Thông báo luồng đường thủy nội địa phải được công bố trên phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của cơ quan công bố, đồng thời gửi đến các cơ quan, đơn vị vận tải thủy nội địa và các hình thức thông tin phù hợp khác.

Điều 10. Phân loại thông báo luồng đường thủy nội địa

1. Thông báo lần đầu luồng đường thủy nội địa:

a) Đối với luồng đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa địa phương: thông báo được thực hiện sau khi cơ quan có thẩm quyền cập nhật vào danh mục các tuyến đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa địa phương;

b) Đối với luồng đường thủy nội địa chuyên dùng: thông báo được thực hiện sau khi cơ quan có thẩm quyền về đường thủy nội địa công bố đưa luồng, tuyến đường thủy nội địa vào quản lý, khai thác và kết quả khảo sát luồng lần đầu;

c) Thông báo lần đầu luồng đường thủy nội địa theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư này. Đối với các tuyến đường thủy nội địa có tàu biển hoặc phương tiện thủy nước ngoài hoạt động, thông báo luồng đường thủy nội địa theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư này.

2. Thông báo định kỳ luồng đường thủy nội địa thực hiện sau khi có kết quả khảo sát luồng định kỳ. Thông báo định kỳ luồng đường thủy nội địa theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư này. Đối với các tuyến đường thủy nội địa có tàu biển hoặc phương tiện thủy nước ngoài hoạt động, thông báo luồng đường thủy nội địa theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư này.

3. Thông báo đột xuất luồng đường thủy nội địa thực hiện sau khi có kết quả khảo sát luồng đột xuất. Thông báo đột xuất luồng đường thủy nội địa theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này.

4. Thông báo thường xuyên luồng đường thủy nội địa được thực hiện sau khi có kết quả kiểm tra tuyến, đo dò sơ khảo bãi cạn thực hiện trong công tác quản lý, bảo trì đường thủy nội địa. Thông báo thường xuyên luồng đường thủy nội địa 01 (một) lần/tháng theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư này.

Điều 11. Nội dung và yêu cầu của thông báo luồng đường thủy nội địa

1. Nội dung thông báo luồng đường thủy nội địa lần đầu bao gồm:

a) Tên luồng, tuyến; phạm vi (điểm đầu, điểm cuối); báo hiệu trên tuyến; độ sâu trong phạm vi chiều rộng luồng; lý trình bãi cạn, vật chướng ngại, công trình trên sông và các công trình khác trên tuyến;

b) Những lưu ý về an toàn giao thông khi phương tiện thủy lưu thông trên tuyến đường thủy nội địa tại khu vực có chuẩn tắc luồng hạn chế.

2. Nội dung thông báo luồng đường thủy nội địa định kỳ bao gồm:

a) Độ sâu trong phạm vi chiều rộng luồng; báo hiệu trên tuyến; lý trình bãi cạn, vật chướng ngại, công trình trên sông và các công trình khác trên tuyến;

b) Những lưu ý về an toàn giao thông khi phương tiện thủy lưu thông trên tuyến đường thủy nội địa tại khu vực có chuẩn tắc luồng hạn chế.

3. Nội dung thông báo luồng đường thủy nội địa thường xuyên bao gồm:

a) Chuẩn tắc kỹ thuật luồng theo phân cấp kỹ thuật của tuyến đường thủy nội địa, độ sâu trong phạm vi chiều rộng luồng, bãi cạn tương ứng với mực nước thủy văn;

b) Những lưu ý về an toàn giao thông khi phương tiện thủy lưu thông trên tuyến đường thủy nội địa tại khu vực có chuẩn tắc luồng hạn chế (bãi cạn, vật chướng ngại, công trình vượt sông, khu vực đang thi công công trình ảnh hưởng đến an toàn giao thông, công trình nạo vét luồng, điều tiết khống chế, tai nạn giao thông) và những vấn đề khác có liên quan.

4. Nội dung thông báo luồng đường thủy nội địa đột xuất bao gồm: thông báo hạn chế giao thông, thay đổi tuyến chạy tàu, điều chuyển khoang thông thuyền, điều tiết khống chế vật chướng ngại được đo tại một vị trí, khu vực bị hạn chế đối với phương tiện lưu thông trên tuyến.

5. Yêu cầu thông báo luồng đường thủy nội địa bao gồm:

a) Vị trí lấy theo lý trình tuyến đường thủy nội địa hoặc hệ tọa độ VN-2000 và hệ tọa độ WGS-84, độ chính xác 1/10 giây;

b) Độ sâu thông báo luồng đường thủy nội địa là độ sâu của điểm cạn nhất trong khu vực thông báo tính bằng mét, độ chính xác 1/10 mét;

c) Địa danh trong thông báo luồng đường thủy nội địa được lấy theo địa danh ghi trên bản đồ hoặc tài liệu quản lý luồng đường thủy nội địa, nếu chưa có trong các tài liệu trên thì sử dụng tên thường dùng của địa phương;

d) Ngôn ngữ trong thông báo luồng đường thủy nội địa là tiếng Việt;

đ) Thời điểm có hiệu lực và hết hiệu lực (nếu có) của thông báo luồng đường thủy nội địa.

Điều 12. Thẩm quyền công bố thông báo luồng đường thủy nội địa

1. Cục Đường thủy nội địa Việt Nam công bố thông báo luồng đường thủy nội địa trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia.

2. Sở Giao thông vận tải công bố thông báo luồng đường thủy nội địa trên tuyến đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương.

Điều 13. Thủ tục công bố thông báo luồng đường thủy nội địa

1. Hồ sơ đối với trường hợp thông báo lần đầu, định kỳ luồng đường thủy nội địa chuyên dùng bao gồm:

a) Đơn đề nghị công bố thông báo luồng đường thủy theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 của Thông tư này;

b) Biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát;

c) Quyết định mở tuyến đường thủy nội địa của cơ quan có thẩm quyền (đối với công bố luồng lần đầu);

d) Bình đồ khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát.

2. Hồ sơ đối với trường hợp thông báo luồng thường xuyên, đột xuất luồng đường thủy nội địa chuyên dùng bao gồm:

a) Đơn đề nghị công bố thông báo luồng đường thủy theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 của Thông tư này;

b) Kết quả khảo sát luồng.

3. Trình tự thủ tục đối với trường hợp thông báo lần đầu, định kỳ luồng đường thủy nội địa chuyên dùng:

a) Tổ chức, cá nhân có đường thủy nội địa chuyên dùng gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị công bố thông báo lần đầu, định kỳ luồng đường thủy nội địa chuyên dùng qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hoặc hình thức phù hợp khác đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 12 của Thông tư này;

b) Cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 12 của Thông tư này, tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, đầy đủ theo quy định, chậm nhất 02 (hai) ngày làm việc, phải có văn bản trả lời hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

c) Chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 12 của Thông tư này thực hiện việc công bố thông báo luồng đường thủy nội địa. Trường hợp không chấp thuận, có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Trình tự thủ tục đối với trường hợp thông báo thường xuyên, đột xuất luồng đường thủy nội địa chuyên dùng:

a) Tổ chức, cá nhân có đường thủy nội địa chuyên dùng gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị công bố thông báo thường xuyên, đột xuất luồng đường thủy nội địa chuyên dùng đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 12 của Thông tư này;

b) Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, đầy đủ theo quy định thì trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ phải hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ;

c) Chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 12 của Thông tư này thực hiện việc công bố thông báo luồng đường thủy nội địa. Trường hợp không công bố phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

5. Đối với tuyến đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa địa phương: cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 12 của Thông tư này thực hiện việc công bố thông báo luồng đường thủy nội địa sau khi có kết quả khảo sát.

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Cơ quan có thẩm quyền công bố thông báo luồng đường thủy nội địa quy định tại Điều 12 của Thông tư này và tổ chức, cá nhân có đường thủy nội địa chuyên dùng có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện công tác khảo sát, lập bình đồ, số hóa bản đồ (nếu có) để thực hiện công tác quản lý luồng và công bố thông báo luồng theo quy định hiện hành;

b) Tổ chức quản lý, giám sát quá trình thực hiện hợp đồng khảo sát đảm bảo tiến độ, chất lượng.

2. Cơ quan có thẩm quyền công bố thông báo luồng đường thủy nội địa quy định tại Điều 12 của Thông tư này có trách nhiệm:

a) Căn cứ cấp kỹ thuật đường thủy nội địa, kết quả khảo sát định kỳ luồng đường thủy nội địa và báo cáo của đơn vị quản lý bảo trì đường thủy nội địa thu thập, kiểm tra đầy đủ các số liệu về thủy văn, hiện trạng luồng và những vấn đề liên quan trực tiếp đến đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa trước khi công bố thông báo luồng đường thủy nội địa;

b) Kịp thời hiệu chỉnh và công bố lại thông báo luồng đường thủy nội địa khi phát hiện có sai sót hoặc thay đổi về nội dung trong thông báo.

3. Cơ quan, tổ chức thực hiện công tác khảo sát luồng đường thủy nội địa phải cung cấp thông tin, số liệu đầy đủ theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin do mình cung cấp.

4. Các đơn vị bảo trì đường thủy nội địa báo cáo tình huống đột xuất xảy ra trên luồng, tuyến và báo cáo định kỳ hiện trạng luồng đường thủy nội địa đến cấp có thẩm quyền bằng văn bản và các phương tiện thông tin khác kịp thời theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 của Thông tư này.

Điều 15. Cung cấp thông tin thông báo luồng đường thủy nội địa

1. Tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 2 của Thông tư này được quyền yêu cầu thông báo luồng đường thủy nội địa.

2. Tổ chức, cá nhân hoạt động trong các vùng nước, luồng đường thủy nội địa có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, chính xác cho cơ quan có thẩm quyền công bố thông báo luồng đường thủy nội địa nếu phát hiện các chướng ngại vật mới chưa được công bố hoặc các thông tin khác có liên quan đến an toàn đường thủy nội địa.

Điều 16. Kinh phí thực hiện khảo sát luồng đường thủy nội địa

Kinh phí thực hiện khảo sát luồng đường thủy nội địa được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2016

Điều 18. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 18;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, CQ thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Các Sở Giao thông vận tải;
- Các Cục: Kiểm tra VB; Kiểm soát TTHC (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, KCHT.

BỘ TRƯỞNG

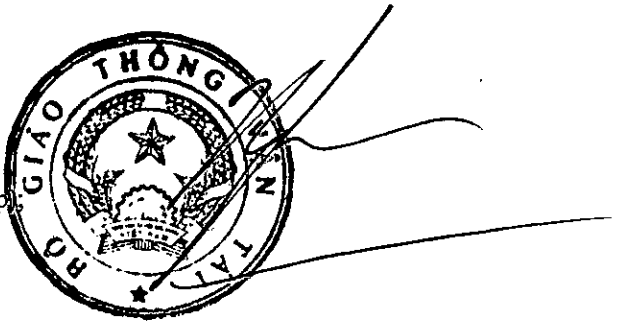

Trương Quang Nghĩa

Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19 /2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BỘ (ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH...)
CỤC ĐTNĐVN (SỞ GTVT...)

Số: / TBL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO LUỒNG
(Tháng....năm.....)

I. Tình hình mực nước

TT	Sông	Trạm chính	Mực nước lớn nhất trong tuần (Hmax)		Mực nước nhỏ nhất trong tuần (Hmin)	
			Mực nước	Thời gian	Mực nước	Thời gian
1						
2						
3						

II. Tình hình luồng

STT	Tuyến	Sông	Vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Lý trình (địa danh)	Các đặc trưng luồng			
					Độ sâu nhỏ nhất h_{min}	Độ sâu lớn nhất h_{max}	Độ sâu thực đo (h)	Chiều rộng đáy luồng (B)
1								
2								
3								

III. Bãi cạn

TT	Sông	Tên Bãi cạn trọng điểm- Lý trình	Độ sâu (h)	Mực nước (H)	Cao độ (Z)	Chiều rộng (B)	Chiều dài (L)	Ngày đo
1								
2								
3								

IV. Một số điều lưu ý

Nơi nhận:
- Các Chi cục ĐTNĐ;
- Các Cảng vụ ĐTNĐ khu vực;
- Website Cục ĐTNĐ Việt Nam [Sở GTVT];
- Website các Chi cục ĐTNĐ;
- Lưu: VT, ...(2).

THỦ TRƯỞNG (1)
(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

Ghi chú:
(1) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng tổ chức;
(2) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần).

Phụ lục 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19 /2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BỘ (ỦY BAN NHÂN DÂN...)
CỤC ĐTNĐVN (SỞ GTVT...)
Số ...../TBL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO LUỒNG ĐỘT XUẤT
(.....(1).....)

I. Tình hình mực nước

STT	Sông	Trạm chính	Mực nước lớn nhất (Hmax)		Mực nước nhỏ nhất (Hmin)	
			Mực nước	Thời gian	Mực nước	Thời gian
1						
2						
3						

II. Tình hình luồng

STT	Sông	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tĩnh không (Hk)	Chiều rộng (B)	Ngày đo	
1						
2						
3						

III-Những điều cần lưu ý

Nơi nhận:
- Các Chi cục ĐTNĐ;
- Các Cảng vụ ĐTNĐ khu vực;
- Website Cục ĐTNĐ Việt Nam [Sở GTVT];
- Website các Chi cục ĐTNĐ;
- Lưu: VT, ...(3).

THỦ TRƯỞNG (2)
(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

Ghi chú:
(1) Các khu vực hoặc vị trí thuộc tuyến sông, kênh ra thông báo luồng;
(2) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng tổ chức;
(3) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần).

Phụ lục 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19 /2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BỘ (ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH..) **CỤC ĐTNĐVN (SỞ GTVT...)**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: / TBL	*....., ngày.....tháng.....năm.....*

THÔNG BÁO

Luồng đường thủy nội địa sông .....(từ.....đến.....)

Căn cứ: .....

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (Chủ tịch UBND tỉnh...), ... thông báo về thông số kỹ thuật của ..... như sau:

1. Luồng đường thủy nội địa sông từ.....(Km...) đến (Km...) dài ... Km gồm các điểm TL... đến TL...

2. Bề rộng luồng ..... (tính từ tim luồng ra 2 bên, mỗi bên....m) và độ sâu của điểm cạn nhất trong khu vực thông báo:...m (được xác định bằng máy hồi âm tần số ... Khz tính đến mực nước "số 0 hải đồ", ngoại trừ một số bãi cạn cục bộ lưu ý ở mục 4 dưới đây:

3. Tọa độ các điểm tim luồng được thể hiện trong bảng sau:

STT	Số hiệu điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
		Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
1	TL1				
2	TL2				

4. Các phương tiện thủy khi lưu thông trên tuyến luồng cần đi đúng phạm vi luồng, tuy nhiên cần chú ý các vật chướng ngại sau:

STT	Số hiệu điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84		Ghi chú
		Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
1	VCN1					VCN nằm bên...luồng, rộng...m, lấn luồng..m
2	VCN2					

5. Các nội dung khác: ...

Nơi nhận:
- Các Chi cục ĐTNĐ;
- Các Cảng vụ ĐTNĐ khu vực;
- Website Cục ĐTNĐ Việt Nam [Sở GTVT];
- Website các Chi cục ĐTNĐ;
- Lưu: VT, ...(2).

THỦ TRƯỞNG (1)
(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

Ghi chú:

(1) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng tổ chức;

(2) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần).

Phụ lục 4

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19 /2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỤC ĐTNĐVN (SỞ GTVT...) **(CÔNG TY....)** Số ...../BCL	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *....., ngày.....tháng.....năm.....*

BÁO CÁO LUỒNG

(từ ngày....tháng....năm ...đến ngày....tháng.....năm....)

I- Tình hình mực nước

STT	Sông	Trạm chính	Mực nước lớn nhất trong tuần (Hmax)		Mực nước nhỏ nhất trong tuần (Hmin)	
			Mực nước	Thời gian	Mực nước	Thời gian

II-Tình hình luồng

STT	Sông	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Các đặc trưng của luồng						Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tĩnh không (Hk)	MN (H)	Cao độ (Z)	Chiều rộng (B)	Chiều dài (L)	Ngày đo	

III-Tóm tắt các vấn đề khác có liên quan

Nơi nhận:
- Cục ĐTNĐ VN [Sở GTVT];
- Các Chi cục ĐTNĐ;
- Lưu: VT, ...(2).

THỦ TRƯỞNG (1)
(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

Ghi chú:
(1) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng tổ chức;
(2) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần).

Phụ lục 5

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19 /2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN CƠ QUAN TRÌNH....	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số ...../...(1)	....., *ngày.....tháng.....năm.....*
V/v.....(2)	

Kính gửi:.....(3)

Căn cứ Thông tư số..../2016/TT-BGTVT ngày .... tháng .... năm .... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về khảo sát phục vụ quản lý và thông báo luồng đường thủy nội địa;

Căn cứ hồ sơ khảo sát luồng..... do..... lập tháng....năm....

.....

.....(4).....

.....

Đề nghị Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (Sở Giao thông vận tải) xem xét công bố thông báo luồng...../.

Nơi nhận:	**THỦ TRƯỞNG** (5)
- Như trên;	**(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)**
- Lưu: VT, ...(6).	

Ghi chú:

(1) Chữ viết tắt của đơn vị soạn thảo công văn;

(2) Nêu trích yếu nội dung đề nghị;

(3) Cơ quan quy định tại Điều 12 Thông tư này;

(4) Nội dung văn bản đề nghị công bố thông báo luồng;

(5) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng tổ chức;

(6) Chữ viết tắt của cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần).